

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐÀO VIÊN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐÀO VIÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAO VIEN TRADING SERVICE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DAO VIEN TRADING SERVICE INVESTMENT JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 1301113658

3. Ngày thành lập: 07/01/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

89 Tổ 10, Ấp An Thạnh, Xã An Khánh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0967394943

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản) và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
10.	Bán mô tô, xe máy	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới.	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông sản (không hoạt động tại trụ sở).	4620

15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (không hoạt động tại trụ sở).	4631
16.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm tươi sống, tôm, cua, cá, ốc, mực, bạch tuộc, thủy hải sản, đồ khô hải sản, thịt và các sản phẩm từ thịt, bò, gà, heo (không hoạt động tại trụ sở).	4632
17.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn. Bán buôn đồ uống không có cồn. Bán buôn rượu, bia.	4633
18.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải. Bán buôn quần áo thời trang, sản phẩm may mặc, giày dép.	4641
19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm, hóa mỹ phẩm. Bán buôn dụng cụ y tế. Bán buôn khẩu trang các loại.	4649
20.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
21.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng. Bán buôn máy móc, thiết bị điện lạnh, máy nước nóng lạnh, máy năng lượng mặt trời. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện). Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, y khoa, ngành thẩm mỹ.	4659
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, inox.	4662
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật liệu, vật tư xây dựng; Bán buôn tre, nứa gỗ cây, gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, thạch cao; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su; Bán buôn thiết bị vật tư ngành điện - nước.	4663
25.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ. Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; nguyên phụ liệu may mặc và giày dép.	4669
26.	Trồng lúa (không hoạt động tại trụ sở).	0111
27.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác (không hoạt động tại trụ sở).	0112
28.	Trồng cây lấy củ có chất bột (không hoạt động tại trụ sở).	0113

29.	Trồng cây mía (không hoạt động tại trụ sở).	0114
30.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở).	0118
31.	Trồng cây hàng năm khác (không hoạt động tại trụ sở).	0119
32.	Trồng cây ăn quả (không hoạt động tại trụ sở).	0121
33.	Trồng cây lấy quả chứa dầu (không hoạt động tại trụ sở).	0122
34.	Trồng cây điều (không hoạt động tại trụ sở).	0123
35.	Trồng cây hồ tiêu (không hoạt động tại trụ sở).	0124
36.	Trồng cây cao su (không hoạt động tại trụ sở).	0125
37.	Trồng cây cà phê (không hoạt động tại trụ sở).	0126
38.	Trồng cây chè (không hoạt động tại trụ sở).	0127
39.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm (không hoạt động tại trụ sở).	0128
40.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
41.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch Chi tiết: Sơ chế nông sản (không hoạt động tại trụ sở).	0163
42.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp (không hoạt động tại trụ sở).	0210
43.	Khai thác thủy sản biển (không hoạt động tại trụ sở).	0311
44.	Khai thác thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở).	0312
45.	Nuôi trồng thủy sản biển (không hoạt động tại trụ sở).	0321
46.	Nuôi trồng thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở).	0322
47.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	8230
48.	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo quản thực vật).	8292
49.	Giáo dục thể thao và giải trí Chi tiết: Dạy thể dục thẩm mỹ, thể dục nhịp điệu, yoga, khiêu vũ (trừ vũ trường), múa, thể dục thể hình.	8551

50.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Phòng khám chuyên khoa: giải phẫu thẩm mỹ; Hoạt động của các phòng khám chuyên khoa: khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa da liễu; chữa bệnh bằng y học cổ truyền (không có bệnh nhân lưu trú)	8620
51.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Chi tiết: Hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	9000
52.	Hoạt động của các cơ sở thể thao Chi tiết: Hoạt động của các câu lạc bộ thể dục thẩm mỹ.	9311
53.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết: Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm.	9631
54.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng internet. Dịch vụ thông tin qua điện thoại; Dịch vụ tìm kiếm thông tin qua hợp đồng hay trên cơ sở phí.	6399
55.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn kế toán, tài chính, luật).	6619
56.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.	6810
57.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn bất động sản. Môi giới bất động sản.	6820
58.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn kế toán, tài chính, luật).	7020

59.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; - Thẩm tra thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; - Thẩm tra thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; - Thiết kế nội, ngoại thất công trình; - Thẩm tra thiết kế nội, ngoại thất công trình; - Thiết kế xây dựng hệ thống cấp - thoát nước; - Thẩm tra thiết kế xây dựng hệ thống cấp - thoát nước; - Giám sát công tác xây dựng hoàn thiện công trình cấp thoát nước; - Thiết kế điện công trình dân dụng và công nghiệp; - Thẩm tra thiết kế điện công trình dân dụng và công nghiệp; - Giám sát công tác lắp đặt phần điện và thiết bị điện công trình dân dụng - công nghiệp; - Khảo sát địa hình công trình xây dựng; - Tư vấn xây dựng; - Hoạt động đo đạc bản đồ.	7110
60.	Quảng cáo	7310
61.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất – ngoại thất. Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày.	7410
62.	Cho thuê xe có động cơ	7710
63.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm tươi sống, tôm, cua, cá, ốc, mực, bạch tuộc, thủy hải sản, đồ khô hải sản, thịt và các sản phẩm từ thịt, bò, gà, heo (không hoạt động tại trụ sở).	4722
64.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ uống có cồn. Bán lẻ đồ uống không có cồn. Bán lẻ rượu, bia.	4723
65.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).	1020
66.	Chế biến và bảo quản rau quả (không hoạt động tại trụ sở).	1030
67.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may đan và gia công hàng đã qua sử dụng).	1391
68.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may đan và gia công hàng đã qua sử dụng).	1392

69.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: Sản xuất hàng may mặc (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may đan và gia công hàng đã qua sử dụng).	1410
70.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may đan và gia công hàng đã qua sử dụng).	1430
71.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may đan và gia công hàng đã qua sử dụng).	1512
72.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
73.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
74.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
75.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
76.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
77.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ giữ xe ô tô, xe máy.	5229
79.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê. Nhà trọ cho công nhân, sinh viên, người nước ngoài ở (không hoạt động tại trụ sở).	5510
80.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: - Quán ăn uống. - Nhà hàng.	5610
81.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
82.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
83.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán cà phê, sinh tố, kem (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)	5630
84.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.	7730
85.	Đại lý du lịch	7911
86.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế	7912

87.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
88.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, chế biến nông sản (không chế biến tại trụ sở).	3290
89.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
90.	Xây dựng nhà không để ở	4102
91.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
92.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
93.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
94.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
95.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
96.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, khu đô thị, cơ sở hạ tầng.	4299
97.	Phá dỡ Chi tiết: San lấp mặt bằng.	4311
98.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
99.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cơ điện lạnh, hệ thống điện công trình dân dụng - công nghiệp, hệ thống đường dây điện, mạng lưới điện, trạm biến áp đến 35 KV (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4321
100.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
101.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
102.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vật liệu, vật tư xây dựng; Bán lẻ tre, nứa gỗ cây, gỗ chế biến; Bán lẻ xi măng, thạch cao; Bán lẻ gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán lẻ kính xây dựng; Bán lẻ sơn, vécni; Bán lẻ gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán lẻ đồ ngũ kim; Bán lẻ ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su; Bán lẻ thiết bị vật tư ngành điện - nước.	4752
103.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
104.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất.	4759

105.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
106.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
107.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng. Bán lẻ máy móc, thiết bị điện lạnh, máy nước nóng lạnh, máy năng lượng mặt trời. Bán lẻ máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện). Bán lẻ hàng thủ công mỹ nghệ. Bán lẻ tơ, xơ, sợi dệt; nguyên phụ liệu may mặc và giày dép. Bán lẻ máy móc, thiết bị y tế, y khoa, ngành thẩm mỹ. Bán lẻ khẩu trang các loại.	4773
108.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	MAI THỊ TUYẾT HẰNG	Khu phố Quyết Thắng, Phường Bình Thắng, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	20,000	281136660	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	20,000		
2	PHẠM TIẾN SĨ	22/4 Trần Hưng Đạo, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.200.0 00	12.000.000.000	40,000	0830670018 45	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.200.0 00	12.000.000.000	40,000		

3	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	572B/17 Trần Hưng Đạo, Phường 02, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.200.000	12.000.000.000	40,000	079181007945
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.200.000	12.000.000.000	40,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THANH VÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/08/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079181007945

Ngày cấp: 13/12/2018

Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 572B/17 Trần Hưng Đạo, Phường 02, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 572B/17 Trần Hưng Đạo, Phường 02, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre